

LỊCH HỌC THỰC HÀNH
(TUẦN: 32 - Từ ngày 26 tháng 03 đến ngày 01 tháng 04 năm 2018)

ĐƠN VỊ: TT Cơ khí

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Mã lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học												Giáo viên	Ghi chú			
								Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7				CN		
								26/3/18		27/3/18		28/3/18		29/3/18		30/3/18		31/3/18				1/4/18		
								Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng			Ca	Phòng	
1	ĐH	K10	102.16	102016	1		TH.CG2									1	T1	1	T1			Trần Trung Hiếu		
2	ĐH	K10	102.16	102016	2		TH.CG2									1	T3	1	T3			Trần Ngọc Tân		
3	ĐH	K10	102.2	102002	1		TH.CG2	2	T2	2	T2											Vũ Văn Khiêm		
4	ĐH	K10	102.2	102002	2		TH.CG2	2	T1	2	T1											Trần Trung Hiếu		
5	ĐH	K10	102.7	102007	1		TH.CG2					2	BX	2	BX							Đỗ Hồng Việt		
6	ĐH	K10	102.7	102007	2		TH.CG2					2	P2	2	P2							Hoàng Văn Nam		
7	ĐH	K10	102.15	102015	1		TH.CG2									2	P2	2	P2			Hoàng Văn Nam		
8	ĐH	K10	102.15	102015	2		TH.CG2									2	BX	2	BX			Đỗ Hồng Việt		
9	ĐH	K10	102.3	102003	1		TH.CG2	2	P1	2	P1											Trần Ngọc Hiền		
10	ĐH	K10	102.3	102003	2		TH.CG2	2	BX	2	BX											Đỗ Hồng Việt		
11	ĐH	K10	102.12	102012	1		TH.CG2									1	P2	1	P2			Hoàng Văn Nam		
12	ĐH	K10	102.12	102012	2		TH.CG2									1	BX	1	BX			Đỗ Hồng Việt		
13	ĐH	K10	102.1	102001	1		TH.CG2	1	P1	1	P1											Trần Ngọc Hiền		
14	ĐH	K10	102.1	102001	2		TH.CG2	1	P2	1	P2											Hoàng Văn Nam		
15	ĐH	K10	102.8	102008	1		TH.CG2					3	BX	3	BX							Đỗ Hồng Việt		
16	ĐH	K10	102.8	102008	2		TH.CG2					3	P1	3	P1							Trần Ngọc Hiền		
17	ĐH	K10	102.4	102004	1		TH.CG2	1	T1	1	T1											Trần Trung Hiếu		
18	ĐH	K10	102.4	102004	2		TH.CG2	1	T2	1	T2											Vũ Văn Khiêm		
19	ĐH	K10	102.13	102013	1		TH.CG2									2	T2	2	T2			Vũ Văn Khiêm		
20	ĐH	K10	102.13	102013	2		TH.CG2									2	T1	2	T1			Trần Trung Hiếu		
21	ĐH	K10	102.11	102011	1		TH.CG2					3	T3	3	T3							Trần Ngọc Tân		
22	ĐH	K10	102.11	102011	2		TH.CG2					3	T1	3	T1							Trần Trung Hiếu		
23	ĐH	K10	102.14	102014	1		TH.CG2									3	T3	3	T3			Trần Ngọc Tân		
24	ĐH	K10	102.14	102014	2		TH.CG2									3	T2	3	T2			Vũ Văn Khiêm		

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Mã lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học												Giáo viên	Ghi chú		
								Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7				CN	
								26/3/18		27/3/18		28/3/18		29/3/18		30/3/18		31/3/18				1/4/18	
								Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng			Ca	Phòng
25	ĐH	K10	102.9	102009	1		TH.CG2					2	T2	2	T2							Vũ Văn Khiêm	
26	ĐH	K10	102.9	102009	2		TH.CG2					2	T1	2	T1							Trần Trung Hiếu	
27	ĐH	K10	102.10	102010	1		TH.CG2					1	P1	1	P1							Trần Ngọc Hiền	
28	ĐH	K10	102.10	102010	2		TH.CG2					1	BX	1	BX							Đỗ Hồng Việt	
29	ĐH	K10	105.3	105003	1		TH. CNC			1	cnc											Lê Quang Lâm	
30	ĐH	K10	105.3	105003	2		TH. CNC			1	cnc											Cao thế anh	
31	ĐH	K10	105.4	105004	1		TH. CNC			3	cnc											Lê Quang Lâm	
32	ĐH	K10	105.4	105004	2		TH. CNC			3	cnc											Cao thế anh	
33	ĐH	K10	105.2	105002	1		TH. CNC									1	cnc					Đặng Xuân Thao	X-CD
34	ĐH	K10	105.2	105002	2		TH. CNC									3	cnc					Đặng Xuân Thao	X-CD
35	ĐH	K10	105.5	105005	1		TH. CNC									2	cnc					Lê Quang Lâm	
36	ĐH	K10	105.5	105005	2		TH. CNC									2	cnc					Cao thế anh	
37	ĐH	K10	105.12	105012	1		TH. CNC											3	cnc			Lê Quang Lâm	
38	ĐH	K10	105.12	105012	2		TH. CNC											3	cnc			Cao thế anh	
39	ĐH	K10	105.6	105006	1		TH. CNC							2	cnc							Lê Quang Lâm	
40	ĐH	K10	105.6	105006	2		TH. CNC							2	cnc							Cao thế anh	
41	ĐH	K10	105.7	105007	1		TH. CNC							2	cnc							Đặng Xuân Thao	X-CD
42	ĐH	K10	105.7	105007	2		TH. CNC							3	cnc							Đặng Xuân Thao	X-CD
43	ĐH	K10	105.10	105010	1		TH. CNC							1	cnc							Lê Quang Lâm	
44	ĐH	K10	105.10	105010	2		TH. CNC							1	cnc							Cao thế anh	
45	ĐH	K10	105.1	105001	1		TH. CNC			2	cnc											Lê Quang Lâm	
46	ĐH	K10	105.1	105001	2		TH. CNC			2	cnc											Cao thế anh	
47	CĐN	K9	CGKL1		1		TH.TIỀN NC	1	T3	1	T3	2	T3	2	T3	2	T3	2	T3			Trần Ngọc Tân	t
48	CĐN	K9	CGKL1		1		TH. CAM	2	Cad			1	Cad					1	Cad			Cao thế anh	
49	CĐN	K9	CGKL1		2		TH.TIỀN NC	3	T2	3	T2	1	T2	1	T2	1	T2	1	T2			Vũ Văn Khiêm	t
50	CĐN	K9	CGKL1		2		TH. CAM	1	Cad			2	Cad					2	Cad			Cao thế anh	
51	CĐN	K9	CGKL1		3		TH.TIỀN NC											3	T1	1-2	T1	Trần Trung Hiếu	t
52	LET CO	K18	CẮT GỌT		1		TH.CG	2	P3	2	P3	2	P3	2	P3	2	P3					Lê Đăng Hà	

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Mã lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học														Giáo viên	Ghi chú
								Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN			
								26/3/18		27/3/18		28/3/18		29/3/18		30/3/18		31/3/18		1/4/18			
								Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng		
53	ĐH	10	CĐT2		1	30	TH nguội			1	SC2											Đặng X. Thao	Ca 7
54	ĐH	10	CĐT4		1	25	TH nguội										SC2	1.2				Bùi Sơn Hải	Ca 8,9
55	ĐH	10	CK1 CLC		1	16	TH nguội						2	SC2			1.2	SC2				Bùi Sơn Hải	Ca 10,11,12
56					2	15	TH nguội		SC1	2				2	SC1	2	SC1	1	SC1				Vũ Đình Cứu
57	CĐ	18	Cơ điện 1		1	20	THSC	2	SC2	2	SC2	3	SC2									Bùi Sơn Hải	Ca 9,10,11
58	CĐ	18	Cơ điện 4		1	20	THSC	2	SC1	3	SC1											Vũ Đình Cứu	„
59	CĐ	18	Cơ điện 7		1	20	THSC	3	SC2	3	SC2			3	SC2							Bùi Sơn Hải	„
60	CĐ	18	Cơ điện 8		1	20	THSC					3	SC1	3	SC1							Vũ Đình Cứu	Ca 7,8
61	CĐ	18	Cơ điện 6		1	20	THSC	3	SC3	3	SC3	3	SC3			1	SC3	1	SC3			Chu Anh Tuấn	7,8,9,10,11
62	NH	17	Letco		1	17	TH nguội	1	SC1	1	SC1	1	SC1	1	SC1	1	SC1					Vũ Đình Cứu	Tuần 3
63					2	18	TH nguội	1	SC2	1	SC2	1	SC2	1	SC2	1	SC2	1	SC2				